

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày 22/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kim Văn Sơn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Q Chính và bà Vi Thị Nghiêm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đ1 Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hà Anh Bắc - Kiểm sát viên và ông Vi Đ1 Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/HSST-QĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1.** Họ và tên: Lương Văn T – tên gọi khác: Không; sinh ngày 29/9/1993, tại TY, Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Cường và bà Trần Thị Lý; vợ: Đinh Thị L1 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh 2020; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 30/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện TY xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đầu thú ngày 19/4/2021, bị tạm giam đến ngày 07/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh”. Có mặt.

**2.** Họ và tên: Đinh Văn L – tên gọi khác: Không; sinh ngày 25/5/1959, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Phú Mỹ (đã chết) và Lê Thị Tấn (đã chết); vợ thứ nhất: Sầm Thị Đắc (đã ly hôn) và vợ thứ hai: Tô Thị Hứa; có 04 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 26/7/1979, bị Tòa án nhân dân huyện TY xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

Ngày 17/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện TY xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo đầu thú ngày 19/4/2021, bị tạm giam đến ngày 07/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**3.** Họ và tên: H1g Văn M – tên gọi khác: M2; sinh ngày 26/11/1986, tại huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: thôn Bản Tầm, xã Tân Tác, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H1g Văn Nguyệt (đã chết) và H1g Thị Vèn (đã chết); vợ: Đàm Thị Nê và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú ngày 25/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TY. Có mặt.

**4.** Họ và tên: Lê Thị L – tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/02/1972, tại huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Khu 10, thị trấn Na Dương, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Sơn (đã chết) và bà Nguyễn Thị Huân; cH: Nguyễn Tô Hiệu và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 29/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đình L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giam đến ngày 07/7/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; hiện đang thi hành bản án 03 năm tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn (Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 29/4/2021). Có mặt.

**5.** Họ và tên: Nông Thị L – tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/11/1975, tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Số nhà 19, khu Ga Bắc, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Nùng; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Q Đài và bà Linh Thị Pàng; cH: H1g Văn Nghĩa (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 12/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giam đến ngày 07/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**6.** Họ và tên: Phạm Thị B – tên gọi khác: Không; sinh ngày 31/01/1973, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Thác Bưởi 1, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Phối

(đã chết) và bà Vi Thị Lã; cH: Lê Văn H và có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 03/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện TY xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”..

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giữ đến ngày 16/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**7. Họ và tên:** Phạm Thị T – tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/8/1976, tại huyện Tiên Lãng, Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Cái Kỳ, xã Hải Lạng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị N; cH: Đinh Văn T1 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 03/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện TY xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo đầu thú ngày 31/5/2021, bị tạm giữ đến ngày 09/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**8. Họ và tên:** Phạm Thị O – tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/12/1975, tại Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 36, Khu 4, phường H Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công Cháp (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nhung (đã chết); cH: Trần Bá M2 (đã chết) và có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giữ đến ngày 16/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**9. Họ và tên:** Sầm Thị T – tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/5/1992, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: 26/27/175 P Lưu, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn T và bà Lương Thị P; cH: Đinh Hữu T và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giữ đến ngày 16/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**10. Họ và tên:** Lê Thị H – tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/12/1984, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Công và bà Đỗ Thị Hải; cH thứ nhất: Sầm Văn T (đã ly hôn), cH thứ hai: Nguyễn Thanh B và

có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú ngày 14/5/2021, bị tạm giữ đến ngày 22/5/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**11.** Họ và tên: Nguyễn H P – tên gọi khác: Không; sinh ngày 25/4/1985, tại Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Tân Tiến, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Phường và bà Trương Ngọc Mai; cH thứ nhất: Vũ Văn Quyết (đã ly hôn), cH thứ hai: Bùi Văn Tiến và có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh 2021; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giữ đến ngày 16/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**12.** Họ và tên: Lê Thị H – tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1978, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tần và bà Vũ Thị Vững; cH: Nguyễn Văn Trung, có 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh 2006; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú ngày 12/7/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**13.** Họ và tên: Nguyễn Thị L – tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/02/1973, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Lý (đã chết) và bà Lương Thị Tịnh; cH: Nguyễn Tất Niên (đã chết), có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh 2002; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú ngày 12/7/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**14.** Họ và tên: Nguyễn Văn K – tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/10/1986, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Trường T, xã Hải Lạng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng Khoa và bà Trần Thị Sáng; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú ngày 28/7/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

**15.** Họ và tên: Sầm Thị H – tên gọi khác: Không; sinh năm 1964, tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn H1g (đã chết) và bà Hà

Thị Gái; cH: Phạm Văn Hùng, có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh 1991; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, bị tạm giữ đến ngày 16/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh . Có mặt.

**16.** Họ và tên: Nguyễn Thị N – tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/3/1954, tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Cái kỳ, xã Hải Lạng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới T: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị Hối (đã chết); cH: Phạm Văn A có 03 con, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh 1985; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/4/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh đến ngày 16/10/2021. Có mặt.

**\* Người làm chứng:**

1. Anh Phan Văn Th, sinh năm 1994. Vắng mặt.
2. Anh Hà Văn Đ1, sinh năm 1990. Vắng mặt.
3. Anh Tô Văn Q, sinh năm 1989. Vắng mặt.
4. Anh Vi Văn T, sinh năm 1996. Vắng mặt.
5. Anh Lê Việt B, sinh năm 1986. Vắng mặt.
6. Ông Phạm Văn A, sinh năm 1947. Vắng mặt.
7. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1985. Vắng mặt.
8. Anh Sầm Văn T, sinh năm 1968. Vắng mặt.
9. Bà Lê Thị T, sinh năm 1956. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trưa ngày 09/4/2021, Lương Văn T gọi điện cho Nông Thị L, Nguyễn H P, Phạm Thị O để thông báo về việc T tổ chức chơi đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa, ở khu vực đồi trồng keo thuộc thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh để mọi người đến đánh bạc. T đã gọi điện báo Đinh Văn L chuẩn bị dụng cụ và địa điểm để tổ chức đánh bạc thì L đồng ý, L mang từ nhà 01 tấm bạt nilon, 01 chiếu nhựa, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 01 kéo, 01 bộ bài tú lơ khơ lên khu vực đồi trồng keo nêu trên, chọn khu đất bằng phẳng căng bạt, dải chiếu để các dụng cụ lên chiếu và gọi điện thông báo cho T. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T, L, T1, P, O, Lê Thị L, Sầm Thị T, Sầm Thị H, Phạm Thị B, Lê Thị H, Phạm Thị T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, H1g Văn M (tức M2) cùng một số người gồm Phạm Văn A, sinh năm 1947; Tô Văn Q, sinh năm 1989; Phan Văn Th, sinh năm 1994 (đều trú tại xã Hải Lạng, huyện TY); Lê Thị T, sinh năm 1956; Vy Văn T, sinh năm 1996 (đều trú tại thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY) có mặt tại địa

điểm đánh bạc do T và L chuẩn bị. Lúc này, T dùng kéo cắt quân bài tú lơ khơ thành 04 quân bài vị hình tròn rồi để cho M dùng bát, đĩa sứ úp lại xóc cái (người xóc cái) cho mọi người cùng tham gia đánh bạc với M; thi thoảng M xóc cái xong rồi bán lại cho T làm cái để đánh bạc với M và mọi người.

Những người chơi đánh bạc gồm T, T1, P, O, L, T, H, B, H1, T, N, H, L1, K và M. Vị trí ngồi trên chiếu bạc như sau: T ngồi quay lưng về phía đỉnh đồi; Ngồi đối diện T là M (người xóc cái); ngồi phía bên trái T đến vị trí của M lần lượt là N, K, O, B; Ngồi phía bên phải T đến vị trí M ngồi lần lượt là P, L, T, T1, H1, T; những người gồm H, L1 và H đứng phía sau T và T1 gần lối đi vào chiếu bạc. Người chơi đánh bạc tự quy ước với nhau việc đánh bạc T thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa như sau: người xóc cái cho 04 quân bài vị hình tròn trên mặt đĩa sứ rồi úp bát sứ lên xóc đều. Những người chơi đánh bạc cầm tiền đánh bạc trên tay hoặc để dưới chiếu trước chỗ ngồi của mình, rồi tự lựa chọn đặt tiền vào các mặt chắn (có 02 hoặc 04 quân bài vị giống nhau) hoặc mặt lẻ (có 01 hoặc 03 quân bài vị khác với các quân bài vị còn lại) để đánh bạc. Khi người làm cái mở bát ra thì những người chơi đánh bạc căn cứ vào số quân bài vị trên đĩa để T T hoặc thua và được thanh toán tiền T bạc theo tỉ lệ 1 ăn 1. Các ván đánh bạc diễn ra L1 tục, không bắt buộc phải chơi tất cả các ván; số tiền người chơi đánh một ván thấp nhất là 50.000 đồng và cao nhất là 500.000 đồng.

Khi chơi đánh bạc, thì T bỏ ra 9.000.000 đồng; M bỏ ra 4.300.000 đồng; L có 10.000.000 đồng nhưng chỉ bỏ ra 3.000.000 đồng để đánh bạc; T1 bỏ ra 2.400.000 đồng; O bỏ ra 1.200.000 đồng; T bỏ ra 1.000.000 đồng; H1 bỏ ra 800.000 đồng; P có 10.500.000 đồng nhưng chỉ bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc; B bỏ ra 250.000 đồng; H, T, L1, K cùng bỏ ra 200.000 đồng; H bỏ ra 150.000 đồng; N bỏ ra 50.000 đồng (Tổng số tiền các bị can dùng để đánh bạc là 23.450.000 đồng). Cả bọn chơi đánh bạc được khoảng 10 phút thì T bảo những người chơi đánh bạc nộp “tiền hồ”; T đã thu được 650.000 đồng rồi đưa cho L; còn L thu của những người chơi đánh bạc được 150.000 đồng. L cầm số tiền 800.000 đồng rồi đi xuống phía dưới chân đồi keo để trông coi, cảnh giới cho cả nhóm đánh bạc.

T và M tiếp tục cùng T1, P, O, L, T, H, B, H1, T, N, H, L1, K đánh bạc đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện TY phát hiện, do hoảng sợ nên những người đánh bạc đã vớt hết số tiền đánh bạc và số tiền để trong người xuống chiếu, sau đó T, L (cầm theo 800.000 đồng), H1 (cầm theo 600.000 đồng), T, L1, H, K, M bỏ trốn khỏi hiện trường; còn T1, P, O, L, T, H, B, N, ông Phạm Văn A và bà Lê Thị T thì bị Công an bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 29.050.000 đồng (trong đó có số tiền 7.000.000 đồng, L bỏ từ trong người ra); 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị, 01 kéo, 01 bát, 01 chiếu. Ngoài ra còn tạm giữ của ông Ân: 8.700.000 đồng; 01 điện Th nhãn hiệu Nokia N1280 gắn sim số 0392048197 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison biển số 12T1 - 7328; bà Tần số tiền 3.300.000 đồng; T 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RS biển số 14P3 – 1143, 01 điện Th nhãn hiệu Iphone X gắn sim số 0784312666; L 01 điện Th nhãn hiệu Oppo F11 gắn sim số 0364298350; O: 01 điện Th nhãn hiệu Iphone 6 Plus gắn sim số 0979971060; P 01 điện Th nhãn hiệu Oppo A7 gắn sim số 0366631289 và 01 túi xách giả da bên trong có 10.000.000 đồng; T1 01 điện Th nhãn hiệu Oppo A5S gắn

sim số 0987295574. Trong các ngày 19/4/2021, 14/5/2021, 31/5/2021, 12/7/2021, 28/7/2021, 25/8/2021, lần lượt T, L, H1, T, L1, H, K và M đến Công an huyện TY đầu thú, H1 tự nguyện giao nộp số tiền đánh bạc 600.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Lương Văn T, Đinh Văn L, H1g Văn M, Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Nguyễn Thị L, Lê Thị H, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H và Nguyễn Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án như đã nêu ở trên.

Ngày 14/9/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành gửi những vật chứng gồm số tiền 29.050.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc (phong bì niêm phong ký hiệu CA01); Số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn H P (phong bì niêm phong ký hiệu CA02); Số tiền 600.000 đồng do Lê Thị H giao nộp (phong bì niêm phong ký hiệu CA03) tại Kho bạc Nhà nước huyện TY.

Đối với số tiền 8.700.000 đồng, 01 điện Th nhãn hiệu Nokia N1280 gắn sim số 0392048197 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison biển số 12T1 – 7328 thu giữ của ông Phạm Văn A; Số tiền 3.300.000 đồng thu giữ của bà Lê Thị T; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RS biển số 14P3 – 1143 thu giữ của Sầm Thị T. Quá trình điều tra xác định ông Ân và bà Tần không tham gia đánh bạc cùng H1g Văn M, Lương Văn T và các đồng phạm; cũng như ông Sầm Văn T và chị Phạm Thị M (con gái ông Ân) không biết T, ông Ân đi xe mô tô đến nơi đánh bạc nên ngày 15/9/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Ân, bà Tần cùng chủ sở hữu hợp pháp.

Những người làm chứng các anh Phan Văn Th, Hà Văn Đ1, Tô Văn Q, Vy Văn T, Lê Việt B, Sầm Văn T, ông Phạm Văn A, bà Lê Thị T và chị Phạm Thị M đều có lời khai phù hợp với nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị xử các bị cáo Lương Văn T, Đinh Văn L về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lương Văn T, H1g Văn M, Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

#### Hình phạt chính:

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; Điều 17; 58; Điều 55; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn T: 15 đến 18 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và 15 đến 18 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn phạt tù T từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2021 đến ngày 07/7/2021.

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn L: 15 đến 18 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn phạt tù T từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2021 đến ngày 07/7/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56; điểm s khoản

1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị L: 12 đến 14 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với án phạt 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” của Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình L, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo Lê Thị L phải chấp hành hình phạt chung 04 năm đến 04 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị bắt (ngày 09/4/2021).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Thị L từ 12 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị B từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo H1g Văn M từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị O từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

Xử phạt bị cáo Sầm Thị T từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 07 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn H P từ 07 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Sầm Thị H từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

Giao người được hưởng án treo cho UBND nơi các bị cáo cư trú quản lý giám sát trong thời gian thử thách đối với các bị cáo được hưởng án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã, phường trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều



51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N: từ 06 đến 07 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày UBND xã Hải Lạng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho UBND xã Hải Lạng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Hải Lạng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị N. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo có thể bị phạt bổ sung một khoản tiền để sung ngân sách Nhà nước, nhưng xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không đề nghị.

Biện pháp ngăn chặn:

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo H1g Văn M (M2), nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 109; khoản 4 Điều 123; khoản 3 Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo Lương Văn T, Đinh Văn L kể từ ngày T1 án (ngày 22/11/2021) cho đến thời điểm bắt các bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng Điều 123, Điều 124 và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự ; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự ;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu trắng – xanh, kích thước (2,85x2)m, đã qua sử dụng; 01 (một) tấm bạt màu xanh – cam, kích thước (3,6x5,8)m, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc bát sứ in hình hoa, đường kính miệng bát là 11cm, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc đĩa sứ in hình hoa, đường kính 17,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kéo dài 17cm có cán tay cầm bọc nhựa, đã qua sử dụng; 04 (bốn) miếng giấy (quân bài vị) hình tròn, đường kính 1,7cm, được cắt từ quân bài tứ lơ khơ, đã qua sử dụng và các sim thuê bao số 0364.298.350; 0979.971.060; 0366.631.289; 0987.295.574 (đều đã qua sử dụng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO F11, màu xanh; 01(một) điện Th di động, nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu H; 01(một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO A7, màu đồng; 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ (đều đã qua sử dụng và không kiểm tra chi tiết phần máy bên trong).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 22.650.000đ (hai mươi hai triệu sáu

trăm năm mươi nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Nguyễn H P 10.000.000đ (mười triệu đồng) và trả lại cho bị cáo Lê Thị L 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Đây là số tiền cơ quan điều tra Công an huyện TY đã tiến hành gửi những vật chứng gồm số tiền 29.050.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc (phong bì niêm phong ký hiệu CA01); Số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn H P (phong bì niêm phong ký hiệu CA02); Số tiền 600.000 đồng do Lê Thị H giao nộp (phong bì niêm phong ký hiệu CA03) tại Kho bạc Nhà nước huyện TY.

Buộc bị cáo Đinh Văn L phải nộp 800.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Sầm Thị T 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, gắn sim thuê bao số 0784.312.666, đã qua sử dụng (Không kiểm tra chi tiết phần máy bên trong) và trả lại cho bị cáo Nguyễn H P 01 (một) túi xách giả da N màu nâu in chữ LV, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm phạm luật, xin được hưởng khoan H của pháp luật và xin được cải tạo ngoài xã hội để đi làm lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản ảnh, biên bản nhận dạng; Biên bản đối chất; Bản ảnh vật chứng; Sơ đồ vị trí đánh bạc; Đơn xin đầu thú và Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TY.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/4/2021, tại khu vực đồi trồng keo thuộc thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh, Lương Văn T và Đinh Văn L đã tổ chức cho 14 người gồm H1g Văn M, Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Nguyễn Thị L, Lê Thị H, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn

Thị N đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa để thu lời bất chính số tiền hồ là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Sau đó T còn tham gia đánh bạc với những người nêu trên với tổng số tiền để đánh bạc là 23.450.000đ (hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thì bị Công an huyện TY phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Các bị cáo dùng tổng số tiền 23.450.000 đồng vừa để đánh bạc và nộp tiền hồ cho bị cáo T và bị cáo L, L là người được hưởng toàn bộ tiền hồ trên.

Hành vi nêu trên các bị cáo Lương Văn T, Đinh Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Và hành vi của các bị cáo Lương Văn T, H1g Văn M, Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TY truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa P, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều gia đình, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.1] Các bị cáo Lương Văn T, Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T nhân thân xấu đều 01 lần bị Tòa án xét xử, đã được xóa án tích.

[3.2] Bị cáo Đinh Văn L đã 02 lần bị Tòa án xét xử, đã được xóa án tích.

[3.3] Các bị cáo còn lại H1g Văn M, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Các bị cáo H1g Văn M, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Các bị cáo Lương Văn T, Đinh Văn L, Lê Thị H, Phạm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, H1g Văn M đã ra đầu thú; các bị cáo Đinh Văn L, Phạm Thị B, Nông Thị L, Nguyễn Thị N, Lê Thị L có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng; bị cáo Lê Thị L còn nhiều lần được tặng giấy khen, tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở; bị cáo Phạm Thị O là lao động chính trong gia đình, có bố mẹ đẻ và cH (đều đã chết), đang nuôi con nhỏ; các bị cáo H1g Văn M (M2), Nông Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng núi nên nhận thức có phần hạn chế; bị

cáo Nguyễn H P là phụ N đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan H của pháp luật.

[5] Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự chung về số tiền đánh bạc bị thu giữ.

[6] Về hình phạt: Căn cứ T chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân và số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1] Đối với tội “*Tổ chức đánh bạc*”, bị cáo Lương Văn T và bị cáo Đinh Văn L đồng phạm về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp gọi điện thông báo người đến đánh bạc và phân công bị cáo L chuẩn bị dụng cụ và địa điểm để tổ chức đánh bạc nên T có vai trò cao hơn bị cáo Đinh Văn L. Mặc dù bị cáo L giữ vai trò sau bị cáo T nhưng bị cáo L là người thực hành tích cực, theo sự phân công của T, L trực tiếp chuẩn bị dụng cụ và địa điểm để tổ chức đánh bạc, cảnh giới và được hưởng toàn bộ tiền hồ 800.000 đồng thu được của người đánh bạc nên bị cáo L phải chịu mức hình phạt ngang với bị cáo T.

[6.2] Đối với tội “*Đánh bạc*”, các bị cáo Lương Văn T, H1g Văn M, Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N đồng phạm về tội “*Đánh bạc*”. Các bị cáo có thời gian đánh bạc ngang nhau nhưng số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo khác nhau nên mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với số tiền bỏ ra đánh bạc và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của mình. Bị cáo H1g Văn M (M2) là người xóc cái, dùng số tiền 4.300.000 đồng để đánh bạc, giữ vai trò thực hành tích cực. T dùng kéo cắt quân bài tú lơ khơ thành 04 quân bài vị hình tròn rồi để cho M dùng bát, đĩa sứ úp lại xóc cái và T dùng số tiền 9.000.000 đồng để đánh bạc, nhiều lần T mua lại cái của M, T trực tiếp làm cái để đánh bạc với M và mọi người, do vậy bị cáo T giữ vai trò khởi xướng nên bị cáo T và M phải chịu mức hình phạt ngang nhau, cao thứ nhất.

Tiếp đến là nhóm bị cáo Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, các bị cáo này đều không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị L dùng số tiền 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc nên chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo tiếp theo là Nông Thị L dùng số tiền 2.400.000 đồng. Bị cáo Phạm Thị B dùng số tiền đánh bạc là 250.000 đồng, bị cáo T là 200.000 đồng nhưng bị cáo T có nhiều hơn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm là “*Đầu thú*” nên phải chịu mức hình phạt ngang nhau, thấp hơn bị cáo T1.

Tiếp đến là các bị cáo Phạm Thị O, Sầm Thị T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có số tiền tham gia đánh bạc lần lượt là 1.200.000 đồng, 1.000.000đ, nên O phải chịu mức hình phạt cao hơn T.

Tiếp đến là các bị cáo Lê Thị H và Nguyễn H P: H1 dùng 800.000 để tham gia đánh bạc, cao hơn P dùng 500.000đ nhưng H1 lại có nhiều hơn P 01 tình tiết giảm

nhẹ là “*Đầu thú*” nên 02 bị cáo phải chịu mức hình phạt ngang nhau.

Nhóm tiếp theo là các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thị H, Nguyễn Văn K và Sầm Thị H; Mặc dù H dùng số tiền 150.000đ ít hơn số tiền tham gia đánh bạc của L1, H, K đều là 200.000đ, nhưng H lại ít hơn cả nhóm tình tiết giảm nhẹ “*Đầu thú*” nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

Sau cùng là bị cáo Nguyễn Thị N, dùng số tiền 50.000đ để tham gia đánh bạc nên chịu mức hình phạt thấp nhất.

[6.3] Bị cáo Lương Văn T có nhân thân xấu, là người khởi xướng giữ vai trò đầu vụ nên cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian.

[6.4] Bị cáo Đinh Văn L có nhân thân xấu đã 02 lần bị Tòa án xét xử nhưng không lấy làm bài học rút kinh nghiệm bản thân, nên cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian.

[6.5] Bị cáo Lê Thị L đang thi hành án phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo L có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tội “*Đánh bạc*” của bị cáo trong vụ án này, sau đó quyết định hình phạt chung với án phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của TAND huyện Đình L.

[6.6] Các bị cáo Nông Thị L, Phạm Thị B và Phạm Thị T: đều đã 01 lần bị kết án nhưng đã được xóa án tích; được hưởng 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là N giới, có nơi cư trú rõ ràng, đều có H1 cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ ăn học, số tiền bỏ ra đánh bạc không lớn, đánh bạc trong khoảng thời gian ngắn; phạm tội tự phát và đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nếu cách ly các bị cáo sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc của gia đình các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, không cần thiết bắt các bị cáo trên phải cách ly khỏi xã hội, mà giao các bị cáo cho chính quyền địa P nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

[6.7] Bị cáo H1g Văn M là người thực hành tích cực, có vai trò ngang với bị cáo T. Nhưng xét thấy bị cáo M (M2) sau khi phạm tội đã ra chủ động đến cơ quan Công an huyện TY đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng núi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Phạm tội một cách tự phát, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo M được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; mặt khác bị cáo M bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

25/8/2021 đến nay được 02 tháng 28 ngày cũng đủ thời gian cho bị cáo suy nghĩ, nhận thức lại hành vi vi phạm pháp luật của mình nên cần cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

Bị cáo M (M2) đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TY, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

[6.8] Các bị cáo Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, số tiền dùng để đánh bạc không lớn, đánh bạc trong khoảng thời gian ngắn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, không cần thiết bắt các bị cáo trên phải cách ly khỏi xã hội, mà giao các bị cáo cho chính quyền địa P nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

[6.9] Bị cáo Nguyễn Thị N có nhân thân tốt, là N giới, cao tuổi, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền bỏ ra đánh bạc không lớn, đánh bạc trong khoảng thời gian ngắn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do đó, để thể hiện T nhân đạo của pháp luật, cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, cho các N được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo N là người cao tuổi, không có nghề nghiệp, thu nhập gì ổn định, H1 cảnh kinh tế khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không có thu nhập ổn định, việc đánh bạc là tự phát; các bị cáo không có công việc ổn định và do ảnh hưởng từ dịch Covid 19 dẫn đến H1 cảnh gia đình các bị cáo gặp nhiều khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về biện pháp ngăn chặn:

[8.1] Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với Lương Văn T, Đinh Văn L cho đến khi bắt các bị cáo đi thi hành án.

[8.2] Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo H1g Văn M (M2), nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

[8.3] Áp dụng Điều 123, Điều 124 và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố

tụng hình sự hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N.

[9] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu trắng – xanh, kích thước (2,85x2)m, đã qua sử dụng; 01 (một) tấm bạt màu xanh – cam, kích thước (3,6x5,8)m, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc bát sứ in hình hoa, đường kính miệng bát là 11cm, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc đĩa sứ in hình hoa, đường kính 17,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kéo dài 17cm có cán tay cầm bọc nhựa, đã qua sử dụng; 04 (bốn) miếng giấy (quân bài vị) hình tròn, đường kính 1,7cm, được cắt từ quân bài tứ lơ khơ, đã qua sử dụng và các sim thuê bao số 0364.298.350; 0979.971.060; 0366.631.289; 0987.295.574 (đều đã qua sử dụng) là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO F11, màu xanh; 01(một) điện Th di động, nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu H; 01(một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO A7, màu đồng; 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ (đều đã qua sử dụng và không kiểm tra chi tiết phần máy bên trong) là P tiện L1 lạc dúng vào việc phạm tội của các bị cáo cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối 01 (một) túi xách giả da N màu nâu in chữ LV, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Nguyễn H P và 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, gắn sim thuê bao số 0784.312.666, đã qua sử dụng (Không kiểm tra chi tiết phần máy bên trong) là tài sản của bị cáo Sầm Thị T không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 8.700.000 đồng, 01 điện Th nhãn hiệu Nokia N1280 gắn sim số 0392048197 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison biển số 12T1 – 7328 thu giữ của ông Phạm Văn A; Số tiền 3.300.000 đồng thu giữ của bà Lê Thị T; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RS biển số 14P3 – 1143 thu giữ của Sầm Thị T. Quá trình điều tra xác định ông Ân và bà Tần không tham gia đánh bạc cùng H1g Văn M, Lương Văn T và các đồng phạm; cũng như ông Sầm Văn T và chị Phạm Thị M (con gái ông Ân) không biết T, ông Ân đi xe mô tô đến nơi đánh bạc nên ngày 15/9/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Ân, bà Tần cùng chủ sở hữu hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền cơ quan điều tra Công an huyện TY đã tiến hành gửi những vật chứng gồm số tiền 29.050.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc (phong bì niêm phong ký hiệu CA01); Số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn H P (phong bì niêm phong ký hiệu CA02); Số tiền 600.000 đồng do Lê Thị H giao nộp (phong bì niêm phong ký hiệu CA03) tại Kho bạc Nhà nước huyện TY.

Số tiền 22.650.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chỉ chứng minh được bị cáo Nguyễn H P dùng 500.000 đồng để đánh bạc và bị cáo Lê Thị L dùng 3.000.000 đồng để đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo P số tiền 10.000.000 đồng và trả lại cho bị cáo L 7.000.000 đồng.

Đối với số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) do các bị cáo nộp cho bị cáo T và L là tiền hồ; bị cáo L là người giữ số tiền này, đây là tiền do phạm tội mà có, các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên cần buộc bị cáo Đinh Văn L phải nộp 800.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo, vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[11] Nội dung khác:

Đối với Phạm Văn A, Lê Thị T, Vy Văn T, Phan Văn Th và Tô Văn Q là những người có mặt tại nơi đánh bạc, quá trình điều tra không đủ căn cứ kết luận những người này tham gia tổ chức đánh bạc và đánh bạc, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Hà Văn Đ1 là người được T nhờ chở T1 và L vào khu vực chân đồi gần chỗ đánh bạc, nhưng Đ1 không biết việc T tổ chức đánh bạc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí:

Bị cáo Đinh Văn L và bị cáo Nguyễn Thị N là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí Tòa án nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Căn cứ:**

**1.1.** Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn T;

**1.2.** Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn L;

**1.3.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị L;

**1.4.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T;

**1.5.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H1g Văn M (M2), Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H;

**1.6.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

### **2. Về tội danh:**



T1 bố bị cáo Lương Văn T phạm 02 tội: “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”; bị cáo Đinh Văn L phạm tội: “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo H1g Văn M (M2), Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N phạm tội: “*Đánh bạc*”.

### **3. Về hình phạt:**

**3.1. Xử phạt:** Bị cáo Lương Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo T từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2021 đến ngày 07/7/2021.

**3.2. Xử phạt:** Bị cáo Đinh Văn L 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo T từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2021 đến ngày 07/7/2021.

**3.3. Xử phạt:** Bị cáo Lê Thị L 13 (mười ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp với án phạt 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*” của Bản án số 08/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình L, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo Lê Thị L phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị bắt (ngày 09/4/2021).

**3.4. Xử phạt:** Bị cáo H1g Văn M (M2) 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.5. Xử phạt:** Bị cáo Nông Thị L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.6. Xử phạt:** Bị cáo Phạm Thị B 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 (hai mươi hai) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.7. Xử phạt:** Bị cáo Phạm Thị T 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 (hai mươi hai) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.8. Xử phạt:** Bị cáo Phạm Thị O 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi hai) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.9. Xử phạt:** Bị cáo Sầm Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.10. Xử phạt:** Bị cáo Lê Thị H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.11. Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn H P 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.12. Xử phạt:** Bị cáo Lê Thị H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.13. Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị L 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.14. Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

**3.15. Xử phạt:** Bị cáo Sầm Thị H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, T từ ngày T1 án sơ thẩm (ngày 22/11/2021).

Giao bị cáo H1g Văn M (M2) cho Ủy ban nhân dân xã Tân Tác, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tân Tác trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nông Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Đồng Mỏ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Thị O cho Ủy ban nhân dân phường H Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H Gai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Sầm Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Vạn Mỹ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Phạm Thị B, Lê Thị H, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Sầm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Tiên Lãng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tiên Lãng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn H P cho Ủy ban nhân dân xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồn Đạc trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Hải Lạng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Hải Lạng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3.16. Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị N 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày UBND xã Hải Lạng, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho UBND xã Hải Lạng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Hải Lạng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị N. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

#### **4. Biện pháp ngăn chặn:**

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo H1g Văn M (M2), nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 109; khoản 4 Điều 123; khoản 3 Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo Lương Văn T, Đinh Văn L kể từ ngày T1 án (ngày 22/11/2021) cho đến thời điểm bắt các bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng Điều 123, Điều 124 và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H, Nguyễn Thị N.

#### **5. Về vật chứng:**

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự ; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự ;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu trắng – xanh, kích thước (2,85x2)m, đã qua sử dụng; 01 (một) tấm bạt màu xanh – cam, kích thước (3,6x5,8)m, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc bát sứ in hình hoa, đường kính miệng bát là 11cm, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc đĩa sứ in hình hoa, đường kính 17,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kéo dài 17cm có cán tay cầm bọc nhựa, đã qua sử dụng; 04 (bốn) miếng giấy (quân bài vị) hình tròn, đường kính 1,7cm, được cắt từ quân bài tứ lơ khơ, đã qua sử dụng và các sim thuê bao số 0364.298.350; 0979.971.060; 0366.631.289; 0987.295.574 (đều đã qua sử dụng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO F11, màu xanh; 01(một) điện Th di động, nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu H; 01(một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO A7, màu đồng; 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ (đều đã qua sử dụng và không kiểm tra chi tiết phần máy bên trong).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 22.650.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Nguyễn H P 10.000.000đ (mười triệu đồng) và trả lại cho bị cáo Lê Thị L 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Đây là số tiền cơ quan điều tra Công an huyện TY đã tiến hành gửi những vật chứng gồm số tiền 29.050.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc (phong bì niêm phong ký hiệu CA01); Số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn H P (phong bì niêm phong ký hiệu CA02); Số tiền 600.000 đồng do Lê Thị H giao nộp (phong bì niêm phong ký hiệu

CA03) tại Kho bạc Nhà nước huyện TY.

Buộc bị cáo Đinh Văn L phải nộp 800.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Sầm Thị T 01 (một) điện Th di động, nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, gắn sim thuê bao số 0784.312.666, đã qua sử dụng (Không kiểm tra chi tiết phần máy bên trong) và trả lại cho bị cáo Nguyễn H P 01 (một) túi xách giả da N màu nâu in chữ LV, đã qua sử dụng.

*(Tình trạng như tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 02/CCTHADS-BB ngày 18/10/2021 giữa Công an huyện TY và Chi cục thi hành án dân sự huyện TY).*

#### **6. Về án phí:**

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Đinh Văn L, Nguyễn Thị N không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lương Văn T, H1g Văn M (M2), Lê Thị L, Nông Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị T, Phạm Thị O, Sầm Thị T, Lê Thị H, Nguyễn H P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K, Sầm Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T1 án. Bị cáo Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện TY;
- Công an huyện TY;
- Nhà tạm giữ, CA huyện TY;
- Các bị cáo;
- Thi hành án hình sự huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Kim Văn Sơn**

